

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2017/KDTM-ST

Ngày: 30/9/2017

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Gạt.

2. Ông Ngô Hồng Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm Sát Viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, Tp.Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2017/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần P.** Trụ sở tại: Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T - Chức vụ: Giám đốc QHKH cao cấp. Địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

* *Bị đơn:* **Công ty trách nhiệm hữu hạn H.** Trụ sở cuối cùng tại: Tổ 01, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh T - Chức vụ: Giám đốc công ty, vắng mặt và không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2016 của nguyên đơn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Trần Ngọc T trình bày:

Vào ngày 20.6.2012, Ngân hàng thương mại cổ phần P có ký hợp đồng tín dụng số 0370/2012/HĐTD-DN với Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Theo đó, Ngân hàng TMCP P cho Công ty TNHH H vay số tiền 1.000.000.000 đồng; lãi suất vay là 16%/ năm (tại thời điểm giải ngân), áp dụng lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; thời hạn

vay 12 tháng (kể từ ngày rút vốn đầu tiên) với mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh. Ngày 21.6.2012, Công ty TNHH H đã ký kế ước nhận nợ số 0370/2012-OCB/KUNN-DN để nhận số tiền 1.000.000.000 đồng.

Đến ngày 26.3.2013, Ngân hàng TMCP P tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 0142/2013/HĐTD-DN với Công ty TNHH H. Theo đó, Ngân hàng TMCP P cho Công ty TNHH H vay thêm số tiền 300.000.000 đồng; lãi suất vay là 14,5%/năm (tại thời điểm giải ngân), áp dụng lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày rút vốn đầu tiên) với mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh. Cùng ngày 26.3.2013, Công ty TNHH H đã ký 02 kế ước nhận nợ số 0142/2013-OCB/KUNN-DN và 0143 /2013-OCB/KUNN-DN để nhận tổng cộng số tiền 198.000.000 đồng.

Đến ngày 03.5.2013, Ngân hàng TMCP P tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 0235/2013/HĐTD-DN với Công ty TNHH H. Theo đó, Ngân hàng TMCP P cho Công ty TNHH H vay thêm số tiền 174.000.000 đồng; lãi suất vay là 14,5%/năm (tại thời điểm giải ngân), áp dụng lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày rút vốn đầu tiên) với mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh. Cùng ngày 03.5.2013, Công ty TNHH H đã ký kế ước nhận nợ số 0235/2013-OCB/KUNN-DN để nhận số tiền 174.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay trên, Công ty TNHH H đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP P 03 xe máy chuyên dụng gồm: 01 máy đào bánh xích KOBELCO - SK300 BKS 43KA - 0487 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 11019 do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16.3.2011, 01 máy đào bánh xích HITACHI BKS 43KA - 0612 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 12036 do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20.6.2012, và 01 máy đào bánh xích KOMATSU - PC450 BKS 43KA - 0489 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 11020 do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16.3.2011. Tài sản này thuộc sở hữu của Công ty TNHH H theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số 0533/2012/BĐ ngày 23.8.2012 và số hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0370/2012/BĐ ngày 20.6.2012, đã được công chứng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi và gốc. Ngân hàng TMCP P đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng Công ty TNHH H cố tình chây ỳ và lẩn tránh không chịu thanh toán nợ thể hiện ở việc Công ty TNHH H đã nhiều lần thay đổi địa chỉ trụ sở từ quận Hải Châu lên huyện Hòa Vang và hiện nay Công ty hoạt động ở đâu thì Ngân hàng cũng không rõ. Tính đến ngày xét xử hôm nay - ngày 30.9.2017, Công ty TNHH H đã nợ Ngân hàng TMCP P số tiền là 1.913.628.095 đồng, bao gồm: 1.274.696.316 đồng nợ gốc, 26.872.631 đồng nợ lãi trong hạn và 612.059.148 đồng nợ lãi quá hạn.

Do Công ty TNHH H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng TMCP P đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH H phải thanh toán dứt điểm

số tiền còn nợ nói trên. Trường hợp không thanh toán, đề nghị Tòa án phát mãi tài sản mà Công ty TNHH H đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Công ty TNHH H để tham gia phiên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Công ty TNHH H cố tình vắng mặt, không có lý do và tại phiên tòa Công ty TNHH H vắng mặt lần thứ hai cũng không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm về việc không tuân theo pháp luật của mình. Đồng thời, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP P đối với Công ty TNHH H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục:

- Do Công ty TNHH H có trụ sở cuối cùng tại Thạch Nham Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng nên tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP P đối với Công ty TNHH H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH H đã được triệu tập họp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về phần nội dung: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng TMCP P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty TNHH H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.913.628.095 đồng, bao gồm: 1.274.696.316 đồng nợ gốc, 26.872.631 đồng nợ lãi trong hạn và 612.059.148 đồng nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 30.9.2017). Trường hợp, Công ty TNHH H không thanh toán thì phát mãi tài sản thế chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy:

Trong quá trình vay tiền, Công ty TNHH H đã không trả nợ gốc và lãi vay theo thỏa thuận. Đồng thời, tính đến ngày 13/7/2016 là ngày nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn là Công ty TNHH H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng hơn 02 năm nay. Dù Ngân hàng TMCP P đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng Công ty TNHH H vẫn cố tình lẩn tránh, không chịu thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH H phải thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là 1.913.628.095 đồng, bao gồm: 1.274.696.316 đồng nợ gốc, 26.872.631 đồng nợ lãi

trong hạn và 612.059.148 đồng nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 30.9.2017). Xét thấy, Công ty TNHH H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận trong hợp đồng. Do vậy, HĐXX thấy cần áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 01.10.2017 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng số 0370/2012/HĐTD-DN ngày 20.6.2012, số 0142/2013/HĐTD-DN ngày 26.3.2013 và số 0235/2013/HĐTD-DN ngày 03.5.2013.

Đối với tài sản thế chấp 03 xe máy chuyên dụng gồm: 01 máy đào bánh xích KOBELCO - SK300 BKS 43KA - 0487 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 11019 do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16.3.2011, 01 máy đào bánh xích HITACHI BKS 43KA - 0612 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 12036 do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20.6.2012, và 01 máy đào bánh xích KOMATSU - PC450 BKS 43KA - 0489 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 11020 do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16.3.2011, đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P với Công ty TNHH H theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0533/2012/BĐ ngày 23.8.2012 và số hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0370/2012/BĐ ngày 20.6.2012, là hoàn toàn tự nguyện và đã được cơ quan Công chứng Nhà nước chứng nhận. Do đó, sự thoả thuận thế chấp trên là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 298 và Điều 303 của Bộ luật dân sự nên tài sản thế chấp nói trên sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay.

[3] Về án phí: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P nên Công ty TNHH H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + $(1.913.628.095đ - 800.000.000đ) \times 3\% = 69.408.843$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 298, 303, 463 và 466 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP P đối với Công ty TNHH H.

1. Xử: Buộc Công ty TNHH H phải trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền 1.913.628.095 đồng, bao gồm: 1.274.696.316 đồng nợ gốc, 26.872.631 đồng nợ lãi trong hạn và 612.059.148 đồng nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 30.9.2017).

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 01.10.2017 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng số 0370/2012/HĐTD-DN

ngày 20.6.2012, số 0142/2013/HĐTD-DN ngày 26.3.2013 và số 0235/2013/HĐTD-DN ngày 03.5.2013.

Trường hợp, Công ty TNHH H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì tài sản thế chấp là 03 xe máy chuyên dụng gồm: 01 máy đào bánh xích KOBELCO - SK300 BKS 43KA - 0487 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 11019 do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16.3.2011, 01 máy đào bánh xích HITACHI BKS 43KA - 0612 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 12036 do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20.6.2012, và 01 máy đào bánh xích KOMATSU - PC450 BKS 43KA - 0489 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dụng số 11020 do Sở giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16.3.2011, đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P với Công ty TNHH H theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0533/2012/BĐ ngày 23.8.2012 và số hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0370/2012/BĐ ngày 20.6.2012 sẽ được phát mãi để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 69.408.843 đồng Công ty TNHH H phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P 34.257.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 05145 ngày 22.7.2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Nam